

Số: /BC-THTTA1

Tân Hồng, ngày 30 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 đối với cấp Tiểu học

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng.

Thực hiện Công văn số 729/PGDĐT ngày 17 tháng 05 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện Tân Hồng về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 đối với cấp Tiểu học.

Trường Tiểu học Tân Thành A1 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh triển khai nhiệm vụ giáo dục tiểu học

Năm học 2023 – 2024, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục với chủ đề năm học là “*Đoàn kết, thân thiện, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”; xây dựng thương hiệu, tạo uy tín cho trường; ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xây dựng trường học hạnh phúc, làm cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh có cảm nhận “*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*”. Đảm bảo môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID -19 và bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng. Bảo đảm an toàn trường học, chủ động, linh hoạt triển khai chương trình, kế hoạch năm học để phòng, chống dịch bệnh và thực hiện mục tiêu kiên trì chất lượng giáo dục tiểu học. Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) đối với lớp 5 và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

2. Thực trạng về điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học

2.1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học

a) Cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) Tổng phụ trách Đội, nhân viên

CBQL							Tổng số GV TPT Đội chuyên trách	Nhân viên			
Tổng số	Nữ	Dân tộc	ThS	ĐH	CD	TCSP		Y tế	Kế toán	Văn thư	TV-TB
03	0	0	0	03	0	0	01	01	01	01	02

b) Giáo viên

TS GV		Trình độ				TL GV bình quân/ lớp	TS GV Tiểu học	TS GV AN	TS GV GDT C	TS GV MT	GV Tiếng Anh						GV Tin học		
GV	Nữ	ThS	ĐH	CD	TH						TS	Hợp đồng	Đạt C2	Đạt C1	Đạt B2	Đạt B1	Chưa đạt B1	T S	Hợp đồng
22	8	0	19	3	0	1,47	18	0	02	01	01	0	0	0	0	01	0	0	0

* Đánh giá nhận định đội ngũ CBQL, GV, nhân viên:

- Về cơ cấu: Đảm bảo đủ thành phần: CBQL, GVTH, GVBM và Nhân viên.
- Về số lượng: Do mới sáp nhập nên tạm thời thừa 03 GV Tiểu học, 02 nhân viên nhưng thiếu 01 GV Tiếng Anh, 01 GV Âm nhạc và 01 GV Tin học.
- Về trình độ đào tạo: Còn 03 giáo viên và 01 Tổng phụ trách Đội chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo, đang tham gia học nâng cao trình độ theo lộ trình.

2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu

a) Phòng học văn hóa

Phòng học văn hóa		Phòng học kiên cố		Phòng học bán kiên cố		Phòng tạm		Phòng mượn		Phòng học xuống cấp cần xây mới
Tổng số	Tỉ lệ phòng/lớp	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	
18	1,2	18	100	0	0	0	0	0	0	0

b) Phòng chức năng

TS phòng thư viện	TS phòng thiết bị	TS trường có nhà vệ sinh đảm bảo cho HS nam và nữ	TS trường có nhà vệ sinh chưa đảm bảo cần xây dựng	TS phòng học ngoại ngữ	TS phòng học môn Tin học	TS phòng học môn Mỹ thuật	TS phòng môn Âm nhạc	TS trường có bãi tập riêng	TS trường có nhà đa năng
01	01	01	01	0	0	01	00	0	0

* Đánh giá nhận định chung về cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học liệu:

- Phòng học văn hóa: Thừa 03 phòng, đa số phòng học đã cũ, xuống cấp, sàn gạch men bị hoen ố, cửa đi và cửa sổ bị hư hỏng, gỉ sét, vỡ kính, khó đóng mở.

- Phòng chức năng: Thiếu 01 phòng môn Tin học, 01 bãi tập riêng, 01 nhà đa năng.
- Nhà vệ sinh ở điểm phụ nhỏ hẹp, chưa đảm bảo tiêu chuẩn, cần xây dựng mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện

- Nhà trường đã triển khai, quán triệt tất cả các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2023-2024 đến tất cả cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, đồng thời thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tất cả cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong quá trình thực hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của từng cá nhân, bộ phận trong nhà trường. Trong quá trình chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, giúp đỡ kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thực hiện nghiêm túc quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đúng quy định theo nội dung các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý và của nhà trường.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh

Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024			So sánh		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
01	15	280	01	15	273	01	00	-07

*Đánh giá nhận định chung:

Quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2023-2024 cơ bản không thay đổi so với năm học 2022-2023 nhiều. Số lớp không thay đổi, số học sinh giảm 07 em.

3. Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

3.1. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học

Cấp xã, phường, thị trấn:

Mức độ	Tháng 05/2023			Tháng 05/2024		
	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %
03	01	01	100	01	01	100

Cấp huyện:

Mức độ	Tháng 05/2023	Tháng 05/2024
03	01	01

3.2. Đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Trường chuẩn quốc gia

Mức độ	Tháng 05/2023			Tháng 05/2024		
	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0

* Đánh giá nhận định chung: Trường chưa đạt chuẩn quốc gia do chưa đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đang có kế hoạch xây dựng Trường đạt chuẩn theo lộ trình.

b) Đánh giá ngoài

Cấp độ	Tháng 05/2023			Tháng 05/2024		
	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %	TS đơn vị	Đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0

* Đánh giá nhận định chung: Trường chưa được đánh giá ngoài do chưa đủ điều kiện. Trường đang xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng nếu đủ điều kiện sẽ hoàn thành hồ sơ đề nghị các cấp quản lý đánh giá ngoài.

4. Kết quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

4.1. Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4

a) Đối với lớp 1

- Tổng số trường có lớp 1 dạy học 06 - 07 - 08 - 09 - 10 buổi/ tuần:

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
0	0	0	0	0	0	0	0	0	01	03	59	0	0	0

- Tỉ lệ phòng học lớp 1: 01 lớp/phòng

- Tổng số lớp 1: 03 lớp ; Tổng số học sinh : 59 học sinh

- Tổng số GV lớp 1: 03 giáo viên, tỉ lệ 1,00
- Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 1:
 - Cơ sở vật chất: Đảm bảo 01 phòng cho 01 lớp, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ.
 - Giáo viên : Phân công mỗi giáo viên chủ nhiệm 01 lớp và các giáo viên bộ môn dạy đủ số tiết quy định.
 - Tổ chức dạy học: Tất cả 03 lớp 1 đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần).
- b) Đối với lớp 2
 - Tổng số trường có lớp 1 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần:

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
0	0	0	0	0	0	0	0	0	01	03	48	0	0	0

- Tỉ lệ phòng học lớp 2: 01 lớp/phòng
- Tổng số lớp 2: 03 lớp. Tổng số học sinh : 48 học sinh
- Tổng số GV lớp 2: 03 giáo viên, tỉ lệ 1,00
- Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 2:
 - Cơ sở vật chất: Đảm bảo 01 phòng cho 01 lớp, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ.
 - Giáo viên : Phân công mỗi giáo viên chủ nhiệm 01 lớp và các giáo viên bộ môn dạy đủ số tiết quy định.
 - Tổ chức dạy học: Tất cả 03 lớp 2 đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần).
- c) Đối với lớp 3
 - Tổng số trường có lớp 3 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần:

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
0	0	0	0	0	0	0	0	0	01	03	45	0	0	0

- Tỉ lệ phòng học lớp 3: 01 lớp/phòng
- Tổng số lớp 3: 03 lớp. Tổng số học sinh : 45 học sinh
- Tổng số GV lớp 3: 03 giáo viên, tỉ lệ 1,00
- Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 3:
 - Cơ sở vật chất: Đảm bảo 01 phòng cho 01 lớp, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ.
 - Giáo viên : Phân công mỗi giáo viên chủ nhiệm 01 lớp và các giáo viên bộ môn dạy đủ số tiết quy định.
 - Tổ chức dạy học: Tất cả 03 lớp 3 đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần).

d) Đối với lớp 4

- Tổng số trường có lớp 4 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần:

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
0	0	0	0	0	0	0	0	0	01	03	53	0	0	0

- Tỷ lệ phòng học lớp 4: 01 lớp/phòng

- Tổng số lớp 4: 03 lớp. Tổng số học sinh : 53 học sinh

- Tổng số GV lớp 4: 03 giáo viên, tỉ lệ 1,00

Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 4:

- Cơ sở vật chất: Đảm bảo 01 phòng cho 01 lớp, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ.

- Giáo viên : Phân công mỗi giáo viên chủ nhiệm 01 lớp và các giáo viên bộ môn dạy đủ số tiết quy định.

- Tổ chức dạy học: Tất cả 03 lớp 4 đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần).

4.2. Đối với lớp 5

a) Đối với lớp 5

- Tổng số trường có lớp 5 dạy học 06 - 07 – 08 - 09 - 10 buổi/ tuần:

6 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			9 buổi/tuần			10 buổi/tuần		
Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
0	0	0	0	0	0	0	0	0	01	03	68	0	0	0

- Tỷ lệ phòng học lớp 5: 01 lớp/phòng

- Tổng số lớp 5: 03 lớp. Tổng số học sinh : 68 học sinh

- Tổng số GV lớp 5: 03 giáo viên, tỉ lệ 1,00

Đánh giá công tác triển khai đối với lớp 5:

- Cơ sở vật chất: Đảm bảo 01 phòng cho 01 lớp, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ.

- Giáo viên : Phân công mỗi giáo viên chủ nhiệm 01 lớp và các giáo viên bộ môn dạy đủ số tiết quy định.

- Tổ chức dạy học: Tất cả 03 lớp 5 đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần).

a) Công tác chuẩn bị cho lớp 5 theo lộ trình

Tổng số lớp 5: 03 lớp

Tổng số GV lớp 5: 03 giáo viên

Tỷ lệ phòng học lớp 5: 01 lớp/phòng

Đề xuất tập huấn, bồi dưỡng: 06 giáo viên

Thuận lợi: Đảm bảo đủ phòng học và giáo viên chủ nhiệm lớp 5.

Khó khăn : Thiếu 01 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, 01 giáo viên dạy môn Tin học – Công nghệ và 01 giáo viên dạy môn Âm nhạc.

4.3. Dạy học Ngoại ngữ và Tin học

a) Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh

Năm học 2023 - 2024, thực hiện môn Tiếng Anh với 01 trường, 09 lớp và 166 học sinh ở tất cả các lớp khối lớp 3, 4, 5.

Dạy học ngoại ngữ	Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024		
	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
Số học sinh toàn trường	01	15	280	01	15	273
1. Tổng số HS lớp 1	01	03	49	01	03	59
- Số HS lớp 1 học tiếng Anh	0	0	0	0	0	0
+ 2 tiết/tuần						
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần						
+ Trên 4 tiết/tuần						
2. Tổng số HS lớp 2	01	03	48	01	03	48
- Số HS lớp 2 học tiếng Anh	0	0	0	0	0	0
+ 2 tiết/tuần						
+ 3 tiết/tuần						
+ 4 tiết/tuần						
+ Trên 4 tiết/tuần						
3. Tổng số HS lớp 3	01	03	54	01	03	45
- Số HS lớp 3 học tiếng Anh	01	03	54	01	03	45
+ 2 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
+ 3 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
+ 4 tiết/tuần	01	03	54	01	03	45
+ Trên 4 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
4. Tổng số HS lớp 4	01	03	70	01	03	53
- Số HS lớp 4 học tiếng Anh	01	03	70	01	03	53

+ 2 tiết/tuần	01	03	70	0	0	0
+ 3 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
+ 4 tiết/tuần	0	0	0	01	03	53
+ Trên 4 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
5. Tổng số HS lớp 5	01	03	59	01	03	68
- Số HS lớp 5 học tiếng Anh	01	03	59	01	03	68
+ 2 tiết/tuần	01	03	59	01	03	68
+ 3 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
+ 4 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
+ Trên 4 tiết/tuần	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh có người nước ngoài tham gia giảng dạy	0	0	0	0	0	0

Liệt kê các sách/giáo trình được giảng dạy trong nhà trường: Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4 và Tiếng Anh 5 của nhóm tác giả Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) của NXBGDVN.

* Đánh giá nhận định chung: Nhà trường chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học Tiếng Anh cho học sinh lớp 1, lớp 2 và không có người nước ngoài tham gia giảng dạy. Nhà trường đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa và giáo viên tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cho học sinh 06 lớp khối lớp 3, 4 với thời lượng 4 tiết/ tuần và cho học sinh 03 lớp 5 với thời lượng 2 tiết/tuần.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học

Năm học 2023 - 2024, nhà trường tổ chức dạy học môn Tin học cho tất cả học sinh 09 lớp của các khối lớp 3, 4, 5 tổng số 166 học sinh.

Dạy học Tin học	Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024		
	Trường	Lớp	HS	Trường	Lớp	HS
Số HS toàn trường	01	15	280	01	15	273
1. Tổng số HS lớp 1	01	03	49	01	03	59
- Số HS lớp 1 học Tin học	0	0	0	0	0	0
- Tỷ lệ %	0	0	0	0	0	0
2. Tổng số HS lớp 2	01	03	48	01	03	48
- Số HS lớp 2 học Tin học	0	0	0	0	0	0
- Tỷ lệ %	0	0	0	0	0	0
3. Tổng số HS lớp 3	01	03	54	01	03	45

- Số HS lớp 3 học Tin học	01	03	54	01	03	45
- Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100
4. Tổng số HS lớp 4	01	03	70	01	03	53
- Số HS lớp 4 học Tin học	01	03	70	01	03	53
- Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100
5. Tổng số HS lớp 5	01	03	59	01	03	68
- Số HS lớp 5 học Tin học	01	03	59	01	03	68
- Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100

Liệt kê các sách/giáo trình được giảng dạy trong nhà trường: Tin học 3, Tin học 4 và Tin học 5 của nhóm tác giả Quách Tất Kiên (*Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên*), Phạm Thị Quỳnh Anh (*Đồng Chủ biên*), của NXBGDVN.

* Đánh giá nhận định chung: Nhà trường chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2. Nhà trường phân công tạm thời 01 giáo viên tiểu học (có Bằng Tốt nghiệp Trung cấp Tin học) dạy môn Tin học cho tất cả học sinh các khối lớp 3, 4, 5 với thời lượng 01 tiết/ tuần đối với khối lớp 3, 4 và 02 tiết/tuần đối với khối lớp 5.

4.4. Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục của địa phương

Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019. Trong đó, thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Công văn số 1328/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Sở GD&ĐT. Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20 tháng 7 năm 2021 với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

4.5. Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục “Địa phương em”

Thực hiện mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” tích hợp vào tài liệu GDĐP lớp 4 tập trung xây dựng một số chủ đề nhất định đáp ứng yêu cầu cần đạt của hai mạch kiến thức (gồm *Thiên nhiên và con người địa phương; Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương*) theo quy định của CTGDĐT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. Không dàn trải nhiều chủ đề trong tài liệu GDĐP gây khó khăn cho việc tổ chức dạy học và trong công tác quản lí.

Việc tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng Chương trình của môn học và được tổ chức đánh giá học sinh như các mạch nội dung khác trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

Tổ chức giảng dạy nội dung “Địa phương em” của tài liệu GDĐP lớp 4 kết hợp với định hướng tổ chức dạy học trong chủ đề “Địa phương em” của SGK môn Lịch sử và Địa lí 4 theo hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT.

4.6. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học, câu lạc bộ học sinh đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh

Xây dựng và quản lí tốt môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng.

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm và thực hiện nội dung GDĐP, tích hợp vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho HS, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực; giáo dục bảo vệ môi trường.

Phát huy, nhân rộng những mô hình hay, sáng tạo theo phương châm “Học sinh đất Sen Hồng hướng tới tự tin, tự lực, biết phản biện, gắn kết thực tiễn, định hướng tương lai”, cụ thể: Giáo dục kĩ năng An toàn nơi công cộng; Nói không với bạo lực học đường; Ngày hội khéo tay kĩ thuật; Hoạt động giáo dục gắn liền với thực tế của nhà trường; Tổ chức được nhiều câu lạc bộ trong trường học; Tăng cường nhiều hoạt động trải nghiệm trong nhà trường: Sân khấu hoá trong tiết sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, “Em làm hướng dẫn viên du lịch”; Hội chợ chia sẻ đồ dùng đồ chơi ở trường; Tổ chức các hoạt động dạy học liên môn; Nhà vệ sinh thân thiện; Nhà nông tí hon; Nói không với rác thải nhựa;...

Tăng cường công tác truyền truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, thực hiện giảng dạy, giáo dục an toàn giao thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào trong chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục.

Bổ trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí và tổ chức hoạt động thư viện; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 1061/PGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Phòng GDĐT về việc tổ chức hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2021-2022.

* Đánh giá nhận định chung: Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh; xây dựng, phát triển thư viện nhà trường đáp ứng được nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận hình thành và phẩm chất và năng lực cho học sinh.

4.7. Công tác lồng ghép các nội dung giáo dục, giảng dạy, an toàn giao thông, quyền con người, nghề nghiệp, chăm sóc mắt...

Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; đảm bảo điều kiện vệ sinh tập luyện và tuyệt đối an toàn về tính mạng cho trẻ em, học sinh trong quá trình học bơi; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh... vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường; xây dựng tủ sách nhỏ, thân thiện ngay trong lớp học, thư viện lưu động, phát triển phong trào đọc sách của học sinh.

4.8. Dạy học 2 buổi/ngày

Năm học 2022 - 2023						Năm học 2023 - 2024					
Trường		Lớp		HS		Trường		Lớp		HS	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
01	100	15	100	280	100	01	100	15	100	273	100

* Đánh giá nhận định chung: Nhà trường thực hiện dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh các lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 5.

Thời lượng: 7 tiết/ ngày (sáng: 04 tiết; chiều: 03 tiết), mỗi tiết 35-40 phút; tổ chức dạy 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần.

Nội dung dạy học ở buổi thứ hai định hướng như sau:

- Hướng dẫn thực hành kiến thức đã học và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh bằng các hoạt động thực tế.

- Giúp đỡ học sinh còn khó khăn trong học tập hoàn thành yêu cầu học tập hoặc bồi dưỡng học sinh có năng lực về môn Toán, môn Tiếng Việt; hoạt động các câu lạc bộ. Mỗi buổi 3 tiết theo Thời khóa biểu của Nhà trường.

4.9. Bán trú

Năm học 2022 - 2023						Năm học 2023 - 2024					
Trường		Lớp		HS		Trường		Lớp		HS	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

* Đánh giá nhận định chung: Nhà trường không đủ điều kiện tổ chức bán trú.

4.10. Thực hiện giáo dục hòa nhập

Số học sinh khuyết tật của trường: Không có

4.11. Thư viện

Mức đạt	Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024				
				Quyết định số 01/2004/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT			Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT	
	Tổng số	Đạt	Tỉ lệ	Tổng số	Đạt	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ
Đạt chuẩn	0	0	0	0	0	0		
Tiến tiến	0	0	0	0	0	0		
Xuất sắc	0	0	0	0	0	0		
Mức độ 1				0			0	0
Mức độ 2				0			0	0

* Đánh giá nhận định chung: Thư viện trường chưa được công nhận đạt chuẩn vì chưa đủ điều kiện. Trường đang xây dựng Thư viện đạt chuẩn theo lộ trình.

Tăng cường tổ chức các hoạt động đọc cho học sinh, giáo dục các em ý thức thích đọc sách mỗi ngày; đầu tư thêm các đầu sách (mua sắm, quyên góp, trao đổi,...); huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng. Tiến hành xây dựng thư viện thân thiện, thư viện xanh, thư viện số,....

4.12. Trường “Xanh - Sạch - Đẹp”

Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024		
Tổng số	Đạt	Tỉ lệ	Tổng số	Đạt	Tỉ lệ
0	0	0	0	0	0

* Đánh giá nhận định chung: Trường chưa được công nhận Trường Xanh – Sạch – Đẹp vì chưa đủ điều kiện. Trường đang từng bước xây dựng Trường Xanh – Sạch – Đẹp đạt chuẩn theo lộ trình.

5. Chất lượng giáo dục

a) Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục; năng lực; phẩm chất
(Đính kèm bảng thống kê xuất trên hệ thống cơ sở dữ liệu EQMS cuối năm)

b) Xét hoàn thành chương trình lớp học

- Tổng số HS xét hoàn thành chương trình lớp học là 205/205, tỉ lệ 100 %
- Tổng số HS hoàn thành chương trình lớp học là 202/205, tỉ lệ 98,54 %
- Tổng số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học là 03/205, tỉ lệ 1,46 %

c) Xét hoàn thành chương trình tiểu học

- Tổng số HS xét hoàn thành chương trình tiểu học là 68/68, tỉ lệ 100 %
- Tổng số HS hoàn thành chương trình tiểu học là 68/68, tỉ lệ 100 %

d) Hiệu quả đào tạo sau 5 năm

- Số HS lớp 1 năm học 2019 – 2020 là 68 em
- Số HS lớp 5 Hoàn thành chương trình tiểu học là 68 em
- Hiệu quả đào tạo sau 5 năm là 68/68, tỉ lệ 100 %

đ) Số học sinh được xét khen thưởng cuối năm học

- * Lớp 1: 30 học sinh
- * Lớp 2: 19 học sinh
- * Lớp 3: 10 học sinh
- * Lớp 4: 16 học sinh
- * Lớp 5: 24 học sinh

6. Triển khai giáo dục STEM

TT	Đơn vị	BÀI HỌC STEM	HOẠT ĐỘNG
----	--------	--------------	-----------

						GIÁO DỤC STEM	
		Số chủ đề STEM đã triển khai	Số lượt chủ đề STEM đã triển khai	Số tiết	Số lần SHCM về bài học STEM	Số lượt tổ chức STEM	Số tiết
1	Trường Tiểu học Tân Thành A1	06	06	06	04	04	04

7. Công tác truyền thông và Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, giai đoạn 2023-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Lãnh đạo nhà trường, đội ngũ giáo viên chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học nhất là việc chuẩn bị các điều kiện thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 4 năm học 2023-2024 để khích lệ các thầy cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

- Quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chỉ số PAPI; thường xuyên đôn đốc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý thực hiện tốt các vấn đề liên quan đến việc phục vụ học sinh, cha mẹ học sinh.

8. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục tăng cường ứng dụng CNTT&TT trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, áp dụng dạy và học. Từng bước xây dựng kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung, kho bài giảng e-learning kết nối với Hệ tri thức Việt số hóa.

- Triển khai phần mềm quản lý trực tuyến trên nguyên tắc dữ liệu khai thác thống nhất từ nguồn CSDL tập trung do Sở GD&ĐT quản lý. Tăng cường triển khai giải pháp tuyển sinh trực tuyến đầu cấp và sử dụng hồ sơ điện tử (học bạ số, sổ liên lạc điện tử,...)

- Rà soát, đánh giá để đầu tư, mua sắm, nâng cấp các hạ tầng, trang thiết bị CNTT hiện tại của Trường;

- Chú trọng bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng CNTT&TT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vào trong quản lý, dạy học và thực hiện nhiệm vụ.

9. Thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển giáo dục huyện Tân Hồng đến năm 2025

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục Trường Tiểu học Tân Thành A1 giai đoạn 2020- 2025 và triển khai, phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ,

giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan cấp trên, Đảng ủy, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến nhà trường.

- Niêm yết công khai kế hoạch chiến lược nhà trường tại bảng tin nhà trường.
- Công khai kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trên website nhà trường.
- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học:
- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển chung cho toàn trường.
- Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hằng năm của toàn trường và thực hiện Kế hoạch phát triển theo từng giai đoạn.

10. Công tác thực hiện liên kết tổ chức các hoạt động giáo dục tại cơ sở tiểu học

Không có

11. Công tác khác (Hội thi, Giao lưu, Ngày Hội,...)

- Tạo cho học sinh sân chơi vui tươi, lành mạnh, qua đó giúp cho các em có niềm tin trong học tập và giao tiếp. Đồng thời cũng nhằm phát động phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.
- Giúp Học sinh tiểu học được củng cố và hiểu biết thêm một số kiến thức, kỹ năng qua “Ngày Hội giao lưu học sinh” cấp huyện năm học 2023 – 2024”.
- Vận động giáo viên cùng phối hợp với Phụ huynh học sinh trong việc chuẩn bị trang phục, giờ giấc bồi dưỡng năng khiếu và chữ đẹp; sau đó thành lập đội tuyển dự thi cấp trường. Lãnh đạo nhà trường sẽ xem xét và tuyển chọn những học sinh lớp 4, 5 đạt giải cao các phần thi, tổ chức bồi dưỡng và dự thi cấp huyện. Giao cho giáo viên chủ nhiệm từng lớp đầu tư những nội dung quan trọng về lĩnh vực như: luyện viết chữ đúng mẫu đẹp, hoạt động trải nghiệm, văn nghệ, vẽ tranh ... để có định hướng ngay từ đầu năm học.
- Những học sinh có thành tích cao qua hội thi cấp trường lớp 4, 5 nhà trường tiếp tục bồi dưỡng dự thi cấp Huyện. Phân công giáo viên có năng khiếu về lĩnh vực trên để bồi dưỡng.
- Kết quả: Học sinh của trường tham gia Ngày Hội giao lưu học sinh tiểu học huyện Tân Hồng xuất sắc đạt được 06 giải.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Được sự quan tâm của Phòng Giáo dục - Đào tạo và UBND xã đã chỉ đạo cho trường thực hiện tốt công tác phát triển giáo dục, ổn định trường lớp, huy động học sinh ra lớp đạt chỉ tiêu kế hoạch. Không có học sinh bỏ học.
- Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, số học sinh nổi bật tăng nhiều so với năm học trước cả về chất lượng và số lượng. Tất cả giáo viên đã thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động và phong trào thi đua trong ngành.

- Duy trì và củng cố vững chắc kết quả Phổ cập giáo dục – Xóa mù chữ. Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được quan tâm nhiều hơn.

- Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, chất lượng giáo dục được quan tâm và ổn định, nề nếp, kỷ cương trường học có nhiều chuyển biến tích cực. Đa số giáo viên đều có xây dựng kế hoạch khắc phục tình trạng dạy học chủ yếu *đọc-chép*, biện pháp dạy học có hiệu quả, phù hợp với đối tượng học sinh.

- Các phong trào thi đua đạt giải khá cao.

2. Một số khó khăn, hạn chế

- Nguy cơ học sinh bỏ học vẫn còn tiềm ẩn, nhất là bỏ học sau Tết Nguyên đán.

- Chất lượng giáo dục tuy có được nâng lên nhưng chưa bền vững, còn thấp hơn so với yêu cầu. Một số phong trào, hội thi cấp huyện chưa đạt kết quả cao. Chất lượng giáo dục mũi nhọn, bồi dưỡng học sinh nổi bật chưa tương xứng với nhu cầu, thế mạnh sẵn có.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số triển khai thực hiện còn chậm.

- Chưa có nhiều sáng kiến mang tính đột phá trong công tác đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Công tác tham mưu bổ sung cơ sở vật chất và đội ngũ chưa đạt hiệu quả như mong muốn, thiếu các phòng chức năng, bộ môn; các thiết bị hiện đại chưa nhiều. Nhu cầu học bơi và dạy bơi cho học sinh chưa đáp ứng do bể bơi bị hư hỏng, xuống cấp.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

- Nhà trường tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, nội dung các kế hoạch đã xây dựng đầu năm một cách thiết thực, triệt để có hiệu quả. Xây dựng được mối đoàn kết nhất trí trong Hội đồng sư phạm, duy trì tốt nề nếp nhà trường. Đổi mới phương pháp dạy và học, chất lượng giáo dục ổn định, quan tâm chất lượng mũi nhọn. Công tác tham mưu được quan tâm nhất là về đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Đội ngũ phải có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Các hoạt động giáo dục của nhà trường phải được cha mẹ học sinh và nhân dân đồng tình để từ đó được cha mẹ học sinh quan tâm động viên, có sự đầu tư lớn và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường hoạt động hiệu quả.

- Phải nắm vững văn bản, bám sát văn bản để chỉ đạo thực hiện, kiểm tra đôn đốc thường xuyên và có sự động viên khích lệ rõ ràng, thưởng phạt minh bạch.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Công tác chỉ đạo thực hiện tuyển sinh đầu cấp, dự báo quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2024 – 2025

a) Thực trạng

- Năm học 2024-2025 dự kiến tuyển sinh lớp 1 là 65 học sinh ở 2 điểm trường, sắp xếp thành 3 lớp: ở điểm chính 2 lớp dự kiến 50 học sinh và ở điểm phụ (Thị Sơn 1) 01 lớp dự kiến 15 học sinh.

- Dự báo quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2024-2025 như sau:

Chia ra	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Số lớp	3	3	3	3	3	15
Số học sinh	65	59	48	46	52	270

b) Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh; sự chỉ đạo kịp thời của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Đa số học sinh của trường đều ngoan hiền, có thái độ học tập tích cực, luôn cố gắng vượt khó vươn lên hoàn thành các nội dung học tập và rèn luyện.

- Cha mẹ học sinh luôn quan tâm, phối hợp, đồng hành với nhà trường.

c) Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

- Đa số gia đình học sinh làm nghề nông, điều kiện kinh tế còn khó khăn, một số đi làm ăn xa hoặc thiếu quan tâm giáo dục con em nên công tác tuyển sinh, vận động học sinh ra lớp, phối hợp giáo dục học sinh còn rất khó khăn.

- Nhà trường thường xuyên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các ban ngành đoàn thể và chính quyền địa phương để phổ biến tuyên truyền về việc chuẩn bị và thực hiện Chương trình GDPT 2018 đến toàn thể cha mẹ học sinh để họ có tâm thế chuẩn bị và đồng hành với nhà trường trong việc chuẩn bị và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 vào năm học 2024-2025.

- Phối hợp với các đoàn thể địa phương làm tốt công tác vận động học sinh ra lớp, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, vận động tập sách, học bổng hỗ trợ học sinh nghèo tạo điều kiện cho các em được đến trường.

- Nhà trường dự kiến dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả các khối lớp ở cả 2 điểm trường. Nhà trường không tổ chức bán trú, chương trình giáo dục theo nhu cầu học sinh và cha mẹ học sinh do không đủ điều kiện.

2. Công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (tuyển dụng bổ sung, bố trí, sắp xếp,....)

a) Thực trạng

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn đại học 22/26 người, đạt tỉ lệ 84,61%, còn lại 04 giáo viên có trình độ đào tạo cao đẳng đang tham gia học tập nâng cao trình độ.

- Hiện tại trường có 03 cán bộ quản lý, 22 giáo viên dạy lớp và 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội. Trong đó chia ra: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 18 giáo viên tiểu học, 04 giáo viên dạy các môn chuyên như Tiếng Anh, Mĩ thuật, thể dục và 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội.

- Do mới sáp nhập trường lớp và thực hiện xóa các điểm phụ nên trường còn thừa 03 giáo viên tiểu học và 02 nhân viên nhưng thiếu 01 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, 01 giáo viên dạy môn Tin học và 01 giáo viên Âm nhạc.

b) Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ và giáo viên của trường đáp ứng về trình độ đào tạo, đảm bảo về cơ cấu và số lượng để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tất cả cán bộ quản lý và giáo viên đều có kinh nghiệm quản lý, giảng dạy lâu năm, có phẩm chất đạo đức và năng lực sư phạm tốt đảm bảo cho công tác quản lý, giảng dạy đạt hiệu quả cao.

c) Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên chưa thật sự đồng đều. Số giáo viên có khả năng soạn giáo án điện tử thành thạo, để đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học chưa nhiều; còn có giáo viên vận dụng đổi mới phương pháp dạy học chưa linh hoạt.

- Rà soát, chọn lựa giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, trước tiên là giáo viên dạy lớp 5 vào năm học 2024-2025 để tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo về số lượng và chất lượng khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học để đề xuất kế hoạch sắp xếp, bổ sung, điều chuyển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

3. Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học

a) Thực trạng

- Nhà trường hiện có 18 phòng học ở 02 điểm trường được trang bị đầy đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh, bảng chống lóa, bóng đèn, quạt gió và các trang thiết bị khác. Trường đủ phòng học để bố trí mỗi lớp 1 phòng cho tất cả các lớp để học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thiết bị dạy học của trường còn hạn chế nhưng cũng đủ để phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên đạt hiệu quả cao. Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên tự làm thêm đồ dùng dạy học.

- Nhà trường tham mưu cấp trên hỗ trợ kinh phí tu sửa cơ sở vật chất bị hư hỏng, xây dựng mới, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học cần thiết.

- Nhà trường hiện có 01 laptop, 02 máy chiếu và 07 tivi 55 in phục vụ cho công tác chuyên môn; 01 máy tính để bàn và 01 tivi 55 in phục vụ cho dạy học ngoại ngữ. Ngoài ra

trường còn có một số thiết bị, dụng cụ dạy học tối thiểu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của học sinh trên lớp.

- Tất cả 02 điểm trường đều có nhà vệ sinh, vòi nước rửa tay cho giáo viên và học sinh sử dụng. Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, có hàng rào bảo vệ, sân trường khá bằng phẳng được lát đan, có nhà để xe cho giáo viên và học sinh.

b) Thuận lợi

- Trường đảm bảo đủ phòng học để bố trí mỗi lớp 1 phòng cho tất cả các lớp để học 2 buổi/ngày theo CT GDPT 2018 vào năm học 2024-2025.

- Thiết bị dạy học, sách giáo khoa của trường còn hạn chế nhưng cũng đủ để phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và việc học tập của học sinh đạt hiệu quả cao.

c) Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường còn hạn chế, chưa có các phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập riêng, còn thiếu thiết bị dạy học cho từng khối lớp do sử dụng lâu năm bị hư hỏng, xuống cấp chưa được đầu tư sửa chữa, bổ sung kịp thời.

- Thực hiện rà soát, đánh giá lại điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa, nâng cấp, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện sẵn sàng triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu, đề xuất với UBND huyện sớm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học cho nhà trường để có đủ điều kiện thực hiện Chương trình GDPT năm 2018.

- Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, nhân dân và phụ huynh học sinh quan tâm hơn nữa đến công tác giáo dục của nhà trường.

- Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với cấp Tiểu học của Trường Tiểu học Tân Thành A1./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Tấn Phước